

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Bà Bùi Thị Thương

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2025/QĐPT-DS ngày 13 tháng 1 năm 2025; Quyết định hoãn xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐPT-DS ngày 25/02/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 16/2025/QĐPT-DS ngày 25/03/2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Hải Y, sinh năm 1958; Địa chỉ 40, quốc lộ E, xã P, Huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.(vắng mặt)

***/Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:**

+ Ông Nguyễn Mạnh L, sinh 1983 (có mặt) và ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1999 (vắng mặt) ; Địa chỉ: A đường C, trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương .(Văn bản ủy quyền ngày 6/9/2022).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số B, khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay L), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.(có mặt)

***/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** luật sư Trần Quốc B (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn H1; Sinh năm 1986; Địa chỉ: 2, Khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay L), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

4. Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị V, sinh 1958; Địa chỉ: I đường B, khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh BRVT.(có mặt)

5. Người kháng cáo: Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Hải Y trình bày: Bà Y cho bà H vay tiền nhiều trong một khoảng thời gian dài; Số tiền mà bà Nguyễn Thị Ngọc H đã vay của bà Huỳnh Thị Hải Y, như sau:*

+ Lần 1: Vào ngày 03/01/2016, bà H xác nhận tại Giấy nhận nợ là có nợ bà Y 700.000.000 đồng; Khoản vay này không có thời hạn, không có lãi suất.

+ Lần 2: Ngày 22/01/2018, bà Y cho vay số tiền là 200.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy biên nhận ngày 22/01/2018.

+Lần 3 : Ngày 22/3/2018 bà Y cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 22/3/2018.

+Lần 4: Ngày 28/6/2018, bà H vay bà Y số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 28/6/2018.

+ Lần 5: Ngày 21/7/2018, bà H vay bà Y số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy mượn tiền ngày 21/7/2018.

+Lần 6: Ngày 19/12/2018, bà H vay bà Y số tiền là 1.100.000.000 đồng để bà H đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 2 ngày, không lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 19/12/2018.

+ Lần 7: Tiếp đó, bà H vay bà Y số tiền là 1.100.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có tính lãi suất. Số tiền này được con bà H là ông Nguyễn Tấn H1 viết và ký giấy nhận tiền thay bà H

Như vậy, tổng số tiền bà H vay của bà Y theo các giấy vay nợ nói trên là 3.300.000.000 đồng.

Nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng không trả; Nay khởi kiện yêu cầu toà án giải quyết như sau:

Buộc bà H trả cho bà Y:

+Tiền gốc là 3.300.000.000 đồng;

+Tiền lãi của số tiền 2.200.000.000 đồng, từ ngày 14/10/2022 đến ngày 13/9/2024 (700 ngày) theo lãi suất 10%/năm như sau: $2.200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 700 \text{ ngày} = 421.917.000 \text{ đồng}$.

+Tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng, từ ngày 14/10/2022 đến ngày 13/9/2024 (2.093 ngày) theo lãi suất 10%/năm như sau: $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 2.093 \text{ ngày} = 630.767.000 \text{ đồng}$.

**/ Tại các bản khai bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Ngày 05/12/2010 con bà H là Nguyễn Tấn H2 (Thay mặt bà H) ký Hợp đồng mua bán tài sản với bà Huỳnh Thị Hải Y là Khu vui chơi giải trí (với giá trị là 2,8 tỷ đồng), đất gồm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 627072 và DO 68933 tại ấp L, xã B, huyện X (Đặt cọc trước 1,2 tỷ đồng, đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản vào năm 2011). Ngày 22/06/2017 bà H đã thanh toán đầy đủ số tiền 2,8 tỷ đồng cho bà Y.

Bà H đã yêu cầu phía bà Y giao 02 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, để bà H đi làm thủ tục sang tên. Nhưng phía bà Y nói là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang thế chấp tại Ngân hàng.

Trong quá trình giao dịch nêu trên, phía bà Y đồng ý việc mua lại Trại kinh doanh xăng dầu của bà H làm chủ, tọa lạc tại ấp T, xã B huyện X nhưng với điều kiện: Bà H phải hoàn chỉnh thủ tục pháp nhân và xây dựng cơ bản hạ tầng. Phía bà Y đồng ý tạm ứng cho bà H kinh phí để hoàn thành các công việc này trên Trại kinh doanh xăng dầu. Vì vậy, trên các Giấy Biên nhận nợ, đều ghi: thế chấp sổ đỏ cây xăng B. Khi bà Y bị bệnh mọi việc giao dịch tạm dừng lại. Gần đây, khi bà Y khỏi bệnh, thì lại khởi kiện bà H ở TAND Huyện Xuyên Mộc để đòi lại tài sản Khu vui chơi giải trí ấp L Vụ án này, bà H đã có Đơn phản tố. Hiện nay TAND huyện Xuyên Mộc đang thụ lý giải quyết; Đồng thời phía bà Y, khởi kiện tại TAND huyện Long Điền đòi nợ bà H. Bà H khẳng định các khoản vay trong vụ án này là tiền phía bà Y tạm ứng cho bà H (là tiền tạm ứng trước để mua Trại kinh doanh xăng dầu tại ấp T) để hoàn chỉnh thủ tục và cơ sở hạ tầng (Sau đó sẽ ký Hợp đồng mua bán tài sản chính thức). Bản chất của vụ án là tranh chấp về mua bán Trại kinh doanh xăng dầu. Đối tượng tranh chấp là: Trại kinh doanh xăng dầu tại ấp T, xã B, huyện X, không phải là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà H yêu cầu TAND huyện Long Điền đình chỉ giải quyết vụ án này, chuyển toàn bộ hồ sơ về TAND huyện Xuyên Mộc để thụ lý giải quyết, theo đúng thẩm quyền và phù hợp với qui định của pháp luật.

Qua lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bà H nhận thấy: Trong tổng số tiền 3.300.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bà H trả, có số tiền mà bà Y xác định là giao cho ông H1 (Con bà H) nhận thay bà H là 1.100.000.000 đồng, văn bản này không ghi ngày tháng năm giao nhận tiền, đề nghị toà án xem xét. Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1 không có lời trình bày: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án.*

**/ Người làm chứng Bà Huỳnh Thị V trình bày:*

Ngày 03/01/2016, bà Huỳnh Thị Hải Y có nhờ bà Huỳnh Thị V giao cho bà H số tiền là 500.000.000 đồng. Đây là số tiền của bà Y, bà V không tranh chấp về khoản tiền này.

**/[Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền](#) ;Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hải Y;

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền nợ lãi là 630.767.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Hải Y đòi bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 421.917.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

*/Ngày 16/9/2024 bị đơn bà H có đơn kháng cáo bản án, với nội dung: Đề nghị xét xử lại vụ án, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Bị đơn có vay của nguyên đơn tổng cộng số tiền là 2 tỷ 200 triệu đồng, đến nay chưa trả thì phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi; Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp hai tài liệu: một đã chuyển khoản cho bà Y 305 triệu đồng và 700 triệu đồng, tổng cộng đã thanh toán 1.005.000.0000 đồng, do đó cần trừ số tiền này cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà H trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

+Ngày 03/01/2016 bà H làm văn bản xác nhận có vay số tiền 700.000.000 đồng của bà Y. Bà H xác nhận là số tiền 500.000.000 đồng bà H cùng ông H2 nhận từ bà V (Vào năm 2015), bà H đã nhận thêm của bà Y 200.000.000 đồng. Văn bản xác nhận nợ không thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ.

+Ngày 22/01/2018, bà H vay bà Y số tiền là 200.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy biên nhận vào ngày 22/01/2018.

+Ngày 22/3/2018, bà H vay bà Y số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 22/3/2018.

+Ngày 28/6/2018, bà H vay bà Y số tiền là 50.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 28/6/2018.

+Ngày 21/7/2018, bà H vay bà Y số tiền là 50.000.000 đồng với thời hạn không xác định và không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy mượn tiền ngày 21/7/2018.

+Ngày 19/12/2018, bà H vay bà Y số tiền là 1.100.000.000 đồng trong thời hạn 02 ngày để bà H đáo hạn Ngân hàng, không có lãi suất. Bà H có viết và ký Giấy nhận tiền ngày 19/12/2018.

Các giấy ký nhận tiền nêu trên do bà H ký xác nhận cho thấy bà H đã vay của bà Y số tiền là 1.100.000.000 đồng vay không kỳ hạn, không ghi lãi và số tiền 1.100.000.000 đồng thời hạn 2 ngày, không ghi lãi; Tổng số tiền đã vay là 2.200.000.000 đồng

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà H đưa ra được tài liệu chứng cứ đã trả cho bà Y số tiền chuyển khoản vào ngày 3/1/2019 là 305 triệu đồng và 700 triệu đồng tiền đã thanh toán ngày 21/3/2017; Số tiền đã trả là 1.005.000.000 đồng.

Ngoài khoản tiền vay trên, bà Y có cung cấp cho Tòa án văn bản có xác nhận của ông Nguyễn Tấn H1 (con bà H), với nội dung: “Hôm nay H1 nhận của cô Y thay mẹ số tiền là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm ngàn đồng)”; Xét thấy, văn bản này không ghi rõ ngày tháng, không nêu lý do nhận tiền, và bà H không thừa nhận đã nhận số tiền này từ ông H1, nên không có căn cứ xác định là bà H đã vay của bà Y số tiền 1.100.000.000 đồng; Do đó không có cơ sở để xác định bà H đã vay số tiền này của bà Y; N1 không chấp nhận yêu cầu này của bà Y; Nếu Bà Y muốn lấy lại số tiền này thì có quyền khởi kiện ông Nguyễn Tấn H1 bằng vụ án dân sự khác.

Tổng số tiền gốc Bà H phải trả cho bà Y là 2.200.000.000 đồng; - 1.005.000.000 đồng = 1.195.000.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu trả lãi:

Bà Y yêu cầu bà H trả lãi từ ngày 14/10/2022 (là ngày đòi nợ không trả) đến ngày xét xử sơ thẩm; với lãi suất 10% năm(0,83%tháng) là có lợi cho bà H và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự;

Từ ngày 14/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/9/2024:(là 23 tháng): Tiền lãi là 1.195.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 23 tháng = 228.125.500 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi phải trả 630.767.000 đồng là không chính xác, nên phải sửa phần này;

*/Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 1.195.000.000 đồng + 228.125.500 đồng = 1.423.125.500 đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

+Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Bà Huỳnh Thị Hải Y được miễn án phí dân sự sơ phúc thẩm, vì là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số **74/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền**, như sau:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 227, 296, 244, 299 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hải Y;

+Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền là 1.423.125.500 (một tỷ, bốn trăm hai ba triệu, một trăm hai lăm ngàn, năm trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Bà Y, bà H được miễn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15/4/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND h. Long Đất
- THADS h. Long Đất
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Hoàng Anh

